TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2023.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Xuân Hương và bà Đặng Hoàng Ái Thụy.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thể, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trần Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022, về việc: Ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 17/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn 3, xã V, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Phú T2, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 07/11/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Phú T2 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/1992, tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Lê Phú T2 không tôn trọng và đánh đập bà T. Vào năm 2003, ông T2 và bà T đã sống ly thân cho đến nay, ông T2 đã có tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Nay bà T không còn tình cảm và không thể trở về chung sống với ông T2 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Phú T2.

Về con chung: Bà T trình bày vợ chồng có 5 người con chung là Lê Phú Công, sinh ngày 21/01/1992, Lê Phú V, sinh ngày 24/4/1993, Lê Phú T3, sinh ngày 24/10/1994, Lê Phú T4, sinh ngày 24/10/1997 và Lê Thị L, sinh ngày 21/7/1999. Tất cả 5 người con đều trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho ông Lê Phú T2 biết việc bà T xin ly hôn nhưng trong thời hạn luật định ông T2 không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã 02 lần Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt dù đã được tống đạt hợp lệ.

Tại biên bản xác minh ngày 15/3/2023, bà Lê Thị H là chị ruột của ông Lê Phú T2 trình bày: Ông Lê Phú T2 đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên ông T2 thường xuyên đi làm nên không về Tòa án để làm việc. Ông T2 và bà T đã sống ly thân từ tháng năm 2003 cho đến nay. Các con của bà T và ông T2 đều đã trưởng thành.

Do bị đơn vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 05/5/2023, ông T2 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 12/5/2023, đồng thời tống đạt các văn bản trên cho ông T2. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

NHẬN THẤY

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Phú T2 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/1992, tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T2 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, giữa 2 người đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau. Vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, không quan tâm chăm sóc nhau. Do vậy mâu thuẫn giữa bà T và ông T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

[3] Về việc nuôi con: Bà Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng có 05 người con chung đều trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Lê Phú T2.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004169, ngày 07/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Bà T đã nộp đủ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phương Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**